

Số: **4033** /QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **04** tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ
Ngành Quản lý kinh tế - Mã ngành: 9310110**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Marketing; Nghị quyết số 204/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Điều 12 Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing ban hành Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Thông báo số 4224/TB-ĐHTCM ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing kết luận tại phiên họp Hội đồng Khoa học và đào tạo ngày 28 tháng 11 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo và Viện trưởng Viện Kinh tế chính trị quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế, mã ngành: 9310110.

Điều 2. Chương trình đào tạo quy định tại Điều 1 được áp dụng đối với các khóa tuyển sinh và nhập học từ năm 2026 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Viện trưởng Viện Kinh tế chính trị và Viện trưởng Viện Đào tạo sau đại học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- PHT phụ trách đào tạo (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT (02b).

**HIỆU TRƯỞNG****Phạm Tiến Đạt**

MỤC LỤC

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
1. CĂN CỨ XÂY DỰNG	1
2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
3. THÔNG TIN CHUNG.....	2
4. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	2
5. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs).....	3
6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA	4
7. TUYỂN SINH.....	4
8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
9. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC	8
9.1. Phương pháp giảng dạy.....	8
9.2. Phương pháp học tập của người học	9
9.3. Ma trận liên kết giữa Phương pháp giảng dạy – học tập và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	9
10. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ.....	9
10.1. Các học phần bắt buộc:	10
10.2. Các chuyên đề tiến sĩ:	10
10.3. Luận án tiến sĩ:	10
11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	10
11.1. Quy trình đào tạo:	10
11.2. Tổ chức đào tạo	11
11.3. Địa điểm đào tạo:	12
11.4. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có):	12
11.5. Công nhận và cấp bằng trình độ tiến sĩ :	12
12. MA TRẬN MỐI LIÊN HỆ CỦA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	12
B. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	13
C. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	24
1. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	24
1.1. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo.....	24
1.2. DANH SÁCH GIÁO TRÌNH, TÀI LIỆU CHÍNH PHỤC VỤ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	27
1.3. DANH SÁCH BÀI BÁO PHỤC VỤ HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	30
D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)	31
E. PHỤ LỤC	32

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - MARKETING



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
Ngành: QUẢN LÝ KINH TẾ

Thành phố Hồ Chí Minh, 2025



**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số ~~4033~~/QĐ-ĐHTCM, ngày 04 tháng 12 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)*

A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 6 năm 2022 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Quyết định số 1911/QĐ-ĐHTCM ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing ban hành Quy định xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo các trình độ đào tạo tại Trường Đại học Tài chính - Marketing.

Kết quả khảo sát các bên liên quan về năng lực của người học đạt được sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Quản lý kinh tế trình độ tiến sĩ.

2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế được xây dựng lần đầu tiên năm 2025. Chương trình được cập nhật theo hướng tiếp cận mới với mục tiêu đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan gồm người sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học và người học được khảo sát định kỳ; cùng với sự thay đổi trong chuẩn năng lực theo quy định của Nhà nước về đào tạo trình độ tiến sĩ, sự thay đổi về Triết lý giáo dục và cơ cấu hoạt động theo hướng tự chủ của Trường đại học Tài chính - Marketing.

Chương trình được thiết kế thời gian đào tạo 03 năm, với 90 tín chỉ, trong đó thực

hiện 72 tín chỉ luận án đối với người học có trình độ đầu vào thạc sĩ; thời gian đào tạo 4 năm, với 120 tín chỉ, trong đó thực hiện 72 tín chỉ luận án đối với người học có trình độ đầu vào cử nhân đại học. Trường khoa quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

3. THÔNG TIN CHUNG

3.1. Tên chương trình đào tạo: Quản lý kinh tế

3.2. Trình độ: Tiến sĩ

3.3. Văn bằng tốt nghiệp: Tiến sĩ

3.4. Mã ngành đào tạo: 9310110

3.5. Thời gian đào tạo: 03 năm (36 tháng) đối với người học có trình độ đầu vào thạc sĩ; 04 năm (48 tháng) đối với người học có trình độ đầu vào đại học. Thời gian học tập tối đa: 06 năm (72 tháng).

3.6. Loại hình đào tạo: chính quy

3.7. Số tín chỉ yêu cầu: 90 (đối với người học có trình độ đầu vào cử nhân đại học là 120, bao gồm 30 tín chỉ học bổ sung kiến thức cao học)

3.8. Đơn vị quản lý: Viện kinh tế chính trị quốc tế

3.9. Ngôn ngữ sử dụng: Tiếng Việt

3.10. Chứng nhận chất lượng: Chương trình ban hành lần đầu

3.11. Website: ufm.edu.vn

3.12. Các chương trình tham khảo, đối sánh: UEH, NEU

3.13. Năm ban hành: 2025

4. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo tiến sĩ Quản lý kinh tế tại Trường Đại học Tài chính - Marketing nhằm đào tạo người học có trình độ cao về lý thuyết và khả năng ứng dụng; nắm bắt và phát triển những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Quản lý kinh tế theo sự phát triển khoa học quản lý trong nước và thế giới; có trình độ cao về lý thuyết và phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo để phát triển tri thức, phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa về khoa học, công nghệ (liên quan đến lĩnh vực Quản lý kinh tế, hoạch định chính sách) và hướng dẫn nghiên cứu khoa học; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt.

4.2. Mục tiêu cụ thể

a) Kiến thức

- Có kiến thức cập nhật, hiện đại và chuyên sâu về các lý thuyết kinh tế và lý thuyết Quản lý kinh tế;

- Có kiến thức bậc cao về các lý thuyết chuyên ngành trong các mô hình kinh tế đương đại, các kỹ thuật phân tích, dự báo và hoạch định chính sách kinh tế, đánh giá biến động của môi trường kinh tế vĩ mô và vi mô, và thiết lập các chính sách, chiến lược phát triển kinh tế phù hợp;

- Có kiến thức chuyên sâu về phương pháp nghiên cứu và sử dụng công cụ nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế và quản lý kinh tế.

b) Kỹ năng

- Có kỹ năng làm việc theo nhóm các nhà khoa học; kỹ năng công bố các công trình, sản phẩm khoa học trong nước và quốc tế; kỹ năng sử dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

- Có kỹ năng làm chủ các lý thuyết khoa học, phương pháp, công cụ phục vụ nghiên cứu và phát triển thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế;

- Có kỹ năng suy luận, phân tích, phản biện các vấn đề khoa học thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế và đưa ra những khuyến nghị chính sách một cách sáng tạo, độc đáo;

c) Mức tự chủ và trách nhiệm:

- Có thái độ tích cực, chuẩn mực đối với nghề nghiệp, tôn trọng đạo đức trong hoạt động nghiên cứu khoa học,

- Có năng lực nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới có giá trị khoa học và ứng dụng trong thực tiễn thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế.

- Thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác và tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể, tổ chức;

- Phán quyết, ra quyết định mang tính chuyên gia với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn về các vấn đề kinh tế - xã hội.

5. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

❖ Về kiến thức:

PLOs	Nội dung	Mức độ (theo Thang Bloom)
PLO1	Thiết lập được những nội dung chuyên sâu, tiên tiến hàng đầu trong lĩnh vực Quản lý kinh tế.	Mức 6 – Sáng tạo
PLO2	Đề xuất các lý thuyết cốt lõi, nền tảng thuộc lĩnh vực Quản lý Kinh tế	Mức 5 – Đánh giá
PLO3	Đánh giá, biện luận được các vấn đề đương đại trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	Mức 6 – Sáng tạo
PLO4	Sáng tạo được các nội dung, phương pháp nghiên cứu và đề xuất những hàm ý chính sách trong lĩnh vực Quản lý kinh tế.	Mức 6 – Sáng tạo

❖ Kỹ năng:

PLOs	Nội dung	Mức độ (theo Thang Bloom)
PLO5	Thiết kế và triển khai được các mô hình nghiên cứu tiên tiến nhằm giải quyết các vấn đề phức tạp trong quản lý kinh tế.	Mức 6 – Sáng tạo
PLO6	Phát triển khung phương pháp luận nghiên cứu	Mức 6 – Sáng tạo

PLOs	Nội dung	Mức độ (theo Thang Bloom)
	cứu, tích hợp công nghệ dữ liệu lớn và phân tích định lượng hiện đại trong Quản lý kinh tế.	
PLO7	Sáng tạo và đánh giá được hiệu quả các phương pháp nghiên cứu đương đại nhằm tối ưu hóa quyết định Quản lý kinh tế trong điều kiện thay đổi toàn cầu.	Mức 5 – Đánh giá
PLO8	Phát hiện được các vấn đề nghiên cứu liên ngành, vấn đề mới trong lĩnh vực Quản lý kinh tế từ kết quả nghiên cứu.	Mức 6 – Sáng tạo

❖ *Mức tự chủ và trách nhiệm:*

PLOs	Nội dung	Mức độ (theo Thang Bloom)
PLO9	Độc lập định hướng nghiên cứu, khám phá và dẫn dắt chuyên môn cho các nhóm nghiên cứu trong lĩnh vực Quản lý kinh tế	Mức 5 – Đặc trưng hóa
PLO10	Tôn trọng đạo đức khoa học, liêm chính và chịu trách nhiệm cá nhân về vấn đề nghiên cứu.	Mức 5 – Đặc trưng hóa

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

TT	Khối lượng kiến thức	Tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Các học phần bắt buộc và tự chọn	18	20%
1.1	Học phần bắt buộc	6	
1.2	Học phần chuyên sâu	6	
1.3	Chuyên đề tiến sĩ	6	
2	Luận án tiến sĩ	72	80%
Các học phần bổ sung kiến thức cao học bắt buộc đối với người học có đầu vào trình độ cử nhân đại học		30	Không tính khối lượng chung

7. TUYỂN SINH

7.1. Chỉ tiêu tuyển sinh:

Theo đề án tuyển sinh hằng năm của Trường dựa trên năng lực đào tạo trình độ tiến sĩ được quy định bởi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7.2. Phương thức tuyển sinh:

- Xét tuyển.
- Việc kiểm tra và đánh giá thí sinh (thí sinh trình bày dự định nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa trước tiểu ban chuyên môn) theo các quy định hiện hành về tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường đại học Tài chính - Marketing.

7.3. Điều kiện dự tuyển:

a) Điều kiện về văn bằng

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp, với

ngành đào tạo tiến sĩ;

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

b) Điều kiện về ngoại ngữ:

Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

**Danh sách một số chứng chỉ tiếng nước ngoài minh chứng
cho trình độ ngoại ngữ của người dự tuyển**

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/ Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe - Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of	ТРКИ-2 trở lên

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/ Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
		Russian as a Foreign Language)	
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

- Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ Tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai do cơ sở đào tạo quyết định, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

7.4. Danh mục các ngành phù hợp (các ngành cùng nhóm ngành)

7.4.1. Ngành đúng, ngành gần, ngành khác:

a) *Ngành đúng*: Ngành đào tạo trình độ thạc sĩ trùng tên với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ: Ngành Quản lý Kinh tế hoặc trùng 06 chữ số cuối theo danh mục mã ngành cấp IV được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

b) *Ngành gần*: là các ngành đào tạo ở cùng nhóm ngành với ngành Quản lý kinh tế theo phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III, thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

c) *Ngành khác*: là các ngành không phải ngành đúng không phải ngành gần nhưng có cùng lĩnh vực đào tạo, theo phân loại trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp II, thuộc Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân.

d) *Chưa có bằng thạc sĩ*: Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ, thì người dự tuyển cần có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên, đồng thời phải học bổ sung một số học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng nghiên cứu của ngành đúng.

7.4.2. Danh sách các học phần học bổ sung đối với ngành gần và ngành khác

Trong trường hợp người dự tuyển có bằng thạc sĩ cùng khối kinh tế, kinh doanh và quản lý nhưng không thuộc chuyên ngành đúng với chuyên ngành dự tuyển, thì người dự tuyển cần học bổ sung một số học phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ sau khi trúng tuyển. Danh sách cụ thể như sau:

❖ *Ngành gần*: bổ sung kiến thức gồm 15 tín chỉ, cụ thể:

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế học khu vực công	3
2	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	3
3	Khoa học quản lý	3
4	Marketing địa phương	3
5	Kinh tế phát triển nâng cao	3
	Tổng cộng	15

❖ *Ngành khác*: bổ sung kiến thức gồm 21 tín chỉ:

STT	Học phần	Số tín chỉ
1	Kinh tế học khu vực công	3
2	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	3
3	Khoa học quản lý	3
4	Marketing địa phương	3
5	Kinh tế phát triển nâng cao	3
6	Tài chính công nâng cao	3
7	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao	3
	Tổng cộng	21

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

8.1. Chương trình đào tạo đối với người học có trình độ đầu vào thạc sĩ

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
I.	Các học phần bắt buộc và tự chọn	18	
1.1	Các học phần bắt buộc	6	
1	Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý	3	
2	Phân tích dữ liệu lớn trong quản lý kinh tế	3	
1.2	Các học phần chuyên sâu (chọn 1 trong 2 nhóm học phần)	6	
Nhóm 1			
3	Quản lý kinh tế hiện đại	3	
4	Quản lý phát triển vùng và địa phương	3	
Nhóm 2			
5	Các lý thuyết hiện đại trong quản lý kinh tế	3	
6	An ninh kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập	3	
1.3	Các chuyên đề tiến sĩ	6	
7	Báo cáo tiểu luận tổng quan	2	
8	Chuyên đề 1	2	
9	Chuyên đề 2	2	
II.	Nghiên cứu và thực hiện luận án	72	
10	Luận án tiến sĩ	72	
	TỔNG CỘNG	90	

8.2. Chương trình đào tạo đối với người học có trình độ đầu vào đại học

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
I.	Các học phần bổ sung bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ	30	
1	Kinh tế học khu vực công	3	
2	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	3	
3	Quản lý đầu tư công và tài sản công	3	
4	Khoa học quản lý	3	
5	Thẩm định giá và tài sản công	3	
6	Tài chính công nâng cao	3	
7	Marketing địa phương	3	
8	Kinh tế phát triển nâng cao	3	

STT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	GHI CHÚ
9	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao	3	
10	Nghiên cứu tình huống	3	
II.	Các học phần bắt buộc và tự chọn khối kiến thức chuyên sâu trình độ tiến sĩ	18	
2.1	Các học phần bắt buộc	6	
11	Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý	3	
12	Phân tích dữ liệu lớn trong quản lý kinh tế	3	
2.2	Các học phần chuyên sâu (chọn 1 trong 2 nhóm học phần)	6	
Nhóm 1			
13	Quản lý kinh tế hiện đại	3	
14	Quản lý phát triển vùng và địa phương	3	
Nhóm 2			
15	Các lý thuyết hiện đại trong quản lý kinh tế	3	
16	An ninh kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập	3	
2.3	Các chuyên đề tiến sĩ	6	
17	Báo cáo tiểu luận tổng quan	2	
18	Chuyên đề 1	2	
19	Chuyên đề 2	2	
III.	Nghiên cứu và thực hiện luận án	72	
20	Luận án tiến sĩ	72	
TỔNG CỘNG		120	

9. PHƯƠNG PHÁP DẠY – HỌC

9.1. Phương pháp giảng dạy

9.1.1 Lý thuyết:

Thuyết giảng: Giảng viên trình bày nội dung cốt lõi và giới thiệu các thành tựu khoa học, các hướng nghiên cứu của các bài học, nghiên cứu sinh không chỉ nghe giảng và ghi nhận thông tin mà còn phân tích, đánh giá và phản biện để phát triển tri thức chuyên ngành.

Thảo luận nhóm: Giảng viên phụ trách các học phần tiến sĩ gợi mở các chủ đề về lý luận hoặc thực tiễn liên quan các bài học và yêu cầu nghiên cứu sinh trao đổi, thảo luận nhóm 3 – 5 nghiên cứu sinh để trình bày nội dung trước lớp. Sau khi thuyết trình, các thành viên trong nhóm sẽ trả lời câu hỏi phản biện của các thành viên còn lại khác nhóm trong lớp.

Nghiên cứu tình huống: giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong lý thuyết hoặc thực tế và yêu cầu nghiên cứu sinh giải quyết, từ đó giúp nghiên cứu sinh phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

9.1.2 Nghiên cứu và thực hiện các chuyên đề tiến sĩ và luận án tiến sĩ:

Giảng viên hướng dẫn định hướng hoặc hỗ trợ nghiên cứu sinh phát hiện chủ đề

nghiên cứu, khe hổng nghiên cứu; Hướng dẫn thực hiện xây dựng khung phân tích và phát triển giả thuyết nghiên cứu, xây dựng thiết kế nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu. Nghiên cứu sinh thực hiện công trình một cách độc lập trên cơ sở định hướng qua trao đổi, thảo luận trực tiếp từ các giảng viên hướng dẫn.

9.2. Phương pháp học tập của người học

Tự học theo định hướng của giảng viên: nghiên cứu sinh nghiên cứu các tài liệu khoa học, nghiên cứu các tình huống thực tiễn, các thách thức khoa học để thu nhận, phát triển kiến thức và mở rộng tri thức theo định hướng cho từng bài học, chủ đề của các giảng viên phụ trách các phần phần trong chương trình đào tạo.

Báo cáo Seminar: nghiên cứu sinh xây dựng các chủ đề chuyên sâu liên quan hướng nghiên cứu, liên quan đến các học phần hoặc chuyên đề học tập và báo cáo kết quả nghiên cứu, các phát hiện khoa học trước lớp học, các chuyên gia hoặc các nhà khoa học chuyên ngành về các chủ đề này nhằm tìm kiếm sự góp ý khoa học để từ đó phát triển tri thức, phát triển kỹ năng nghiên cứu.

Độc lập trong thực hiện và viết chuyên đề tiến sĩ, luận án tiến sĩ: nghiên cứu sinh tự định hướng, tự chủ và điều khiển hoạt động nghiên cứu, hoạt động viết và thực hiện chuyên đề, luận án tiến sĩ dưới sự hướng dẫn khoa học của các giảng viên hướng dẫn.

9.3. Ma trận liên kết giữa Phương pháp giảng dạy – học tập và Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy – học tập	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
Thuyết giảng	X		X	X		X	X	X	X	X
Thảo luận nhóm	X	X	X	X		X	X		X	X
Nghiên cứu tình huống	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo Seminar	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Nghiên cứu và thực hiện chuyên đề tiến sĩ	X		X	X	X	X		X		X
Nghiên cứu và thực hiện Luận án tiến sĩ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

10. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá thực hiện theo quy định về

tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.1. Các học phần bắt buộc:

- Đánh giá quá trình: chuyên cần, kiểm tra giữa kỳ.
- Đánh giá kết thúc học phần: tiểu luận cá nhân.

10.2. Các chuyên đề tiến sĩ:

- Đánh giá thông qua Hội đồng chấm theo quy chế đào tạo Tiến sĩ.

10.3. Luận án tiến sĩ:

- Đánh giá Luận án qua 02 cấp: đơn vị chuyên môn và cơ sở đào tạo, tuy nhiên trước khi đánh giá cấp cơ sở đào tạo Luận án phải được thẩm định độc lập theo quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Tài chính - Marketing.

Phương pháp đánh giá	PLOs									
	Kiến thức				Kỹ năng				Mức tự chủ và trách nhiệm	
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
A. CÁC HỌC PHẦN, CÁC CHUYÊN ĐỀ										
1. Đánh giá quá trình										
Chuyên cần									X	X
Kiểm tra giữa kỳ	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2. Đánh giá cuối kỳ										
Báo cáo cá nhân	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
B. TỐT NGHIỆP										
Luận án tốt nghiệp	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

11.1. Quy trình đào tạo:

Quy trình đào tạo tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định có liên quan của Trường. Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học. Chương trình đào tạo được thực hiện trong 03 năm (36 tháng) đối với người học có đầu vào trình độ thạc sĩ; 04 năm (48 tháng) đối với người học có đầu vào trình độ cử nhân đại học. Thời gian tối đa là 06 năm (72 tháng). Người học được đào tạo theo hình thức tập trung áp dụng Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của Trường.

11.2. Tổ chức đào tạo

a) Tổ chức đào tạo, thời gian đào tạo:

Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, đó là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch đào tạo của Trường. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ bằng 50 giờ bao gồm cả học lý thuyết, thực hành, thực tập và tự học.

b) Kế hoạch đào tạo:

❖ Kế hoạch đào tạo đối với người học có trình độ đầu vào thạc sĩ:

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý	3	
2	Phân tích dữ liệu lớn trong quản lý kinh tế	3	
<i>Tự chọn 1 trong 2 nhóm</i>			
Nhóm 1			
3	Quản lý kinh tế hiện đại	3	
4	Quản lý phát triển vùng và địa phương	3	
Nhóm 2			
5	Các lý thuyết hiện đại trong quản lý kinh tế	3	
6	An ninh kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập	3	
Tổng		12	

Năm 2 và Năm 3

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Báo cáo tiểu luận tổng quan	2	
2	Chuyên đề 1	2	
3	Chuyên đề 2	2	
4	Luận án tiến sĩ	72	
Tổng		80	

❖ Kế hoạch đào tạo đối với người có trình độ đầu vào đại học

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Kinh tế học khu vực công	3	
2	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	3	
3	Quản lý đầu tư công và tài sản công	3	
4	Khoa học quản lý	3	
5	Thẩm định giá và tài sản công	3	
6	Tài chính công nâng cao	3	
7	Marketing địa phương	3	
8	Kinh tế phát triển nâng cao	3	
9	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao	3	

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
10	Nghiên cứu tình huống	3	
Tổng		30	

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý	3	
2	Phân tích dữ liệu lớn trong quản lý kinh tế	3	
Tự chọn 1 trong 2 nhóm			
Nhóm 1			
3	Quản lý kinh tế hiện đại	3	
4	Quản lý phát triển vùng và địa phương	3	
Nhóm 2			
5	Các lý thuyết hiện đại trong quản lý kinh tế	3	
6	An ninh kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập	3	
Tổng		12	

Năm 3 và Năm 4

STT	HỌC PHẦN	TC	GHI CHÚ
1	Báo cáo tiểu luận tổng quan	2	
2	Chuyên đề 1	2	
3	Chuyên đề 2	2	
4	Luận án tiến sĩ	72	
Tổng		80	

11.3. Địa điểm đào tạo:

Cơ sở chính Trường Đại học Tài chính - Marketing, 778 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

11.4. Đơn vị phối hợp đào tạo (nếu có):

11.5. Công nhận và cấp bằng trình độ tiến sĩ :

Việc công nhận và cấp bằng trình độ tiến sĩ được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định liên quan khác của Trường.

12. MA TRẬN MỐI LIÊN HỆ CỦA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Tên học phần	PL01	PL02	PL03	PL04	PL05	PL06	PL07	PL08	PL09	PL010
Các học phần bắt buộc											

STT	Tên học phần	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
1	Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý	M	A		M	A	M	M			A
2	Phân tích dữ liệu lớn trong quản lý kinh tế		M			A					M
Các học phần chuyên sâu: Chọn 1 trong 2 nhóm học phần											
Nhóm 1											
3	Quản lý kinh tế hiện đại	M		A	A		M	A	A	A	A
4	Quản lý phát triển vùng và địa phương			M			M			M	
Nhóm 2											
5	Các lý thuyết hiện đại trong quản lý kinh tế	M	M	M	A	M	A	A		M	A
6	An ninh kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập			M	M		M	A	M	M	A
Các chuyên đề tiến sĩ											
7	Báo cáo tiểu luận tổng quan	A		M			M		A		A
8	Chuyên đề 1	A			A	A	A				A
9	Chuyên đề 2	A			A	A	A				A
10	Luận án tiến sĩ	M	M	M	M	M	M	A	M	A	A

Chú thích: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – Học phần có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

B. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Các học phần bổ sung kiến thức

1.1. Kinh tế học khu vực công

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp cho người học nền tảng lý thuyết nâng cao về kinh tế khu vực công, tập trung vào vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế, cơ chế can thiệp vào thị trường và tác động của các công cụ chính sách công đến hiệu quả phân bổ nguồn lực và công bằng xã hội. Người học được trang bị khả năng phân tích và đánh giá các chính sách kinh tế dựa trên bằng chứng, biết sử dụng dữ liệu thực nghiệm và mô hình phân tích để đánh giá hiệu quả của thuế, chi tiêu công và trợ cấp. Sau khi hoàn thành học phần, nghiên cứu sinh có thể tham gia xây dựng đề xuất chính sách, tư vấn cho cơ quan quản lý, và triển khai nghiên cứu công bố học thuật liên quan đến quản trị công và quản lý kinh tế ở cấp quốc gia và địa phương.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần tập trung vào các học thuyết kinh tế công, bao gồm thất bại thị trường, lý thuyết lựa chọn công, phân tích hiệu quả và công bằng trong phân bổ nguồn lực. Nội dung chính bao gồm: mô hình thuế và tác động thuế đến hành vi kinh tế; đánh giá hiệu quả chi tiêu công; cấu trúc ngân sách Nhà nước; vai trò của Chính phủ trong ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy phát triển bền vững. Ngoài ra, học phần tiếp cận các xu hướng hiện đại như ngân sách xanh, tài chính bền vững, chính phủ số và quản trị công dựa trên dữ liệu. Người học phân tích báo cáo ngân sách công khai của địa phương, thực hành mô hình đánh giá chi phí - lợi ích của một chính sách cụ thể và trình bày kết quả nghiên cứu theo chuẩn bài báo khoa học.

1.2. Phân tích, dự báo và giám sát kinh tế

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Phân tích, dự báo và giám sát kinh tế trang bị cho nghiên cứu sinh khả năng sử dụng các phương pháp định lượng nâng cao để phân tích dữ liệu kinh tế và dự báo xu hướng kinh tế vĩ mô, vi mô. Người học hiểu và vận dụng được các mô hình dự báo phổ biến, biết xây dựng hệ thống chỉ báo cảnh báo sớm cho nền kinh tế, nhận diện rủi ro và đề xuất giải pháp chính sách phù hợp. Sau môn học, người học có khả năng thực hiện các nghiên cứu học thuật hoặc báo cáo hoạch định chính sách dựa trên phân tích định lượng và mô hình dự báo.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Phân tích, dự báo và giám sát kinh tế trang bị cho người học các nội dung bao gồm: phân tích chuỗi thời gian kinh tế, mô hình dự báo định lượng (ARIMA, VAR, VECM), phân tích tác động của các cú sốc kinh tế; xây dựng dashboard giám sát kinh tế theo thời gian thực; dự báo rủi ro lạm phát, thất nghiệp, tăng trưởng GDP. Người học sử dụng phần mềm phân tích dữ liệu (Stata/ R/ Python), xử lý dữ liệu lớn và viết báo cáo dự báo theo chuẩn nghiên cứu. Ngoài ra, học phần hướng dẫn cách đọc và phân tích báo cáo kinh tế của các tổ chức quốc tế (IMF, World Bank, OECD), từ đó nâng cao khả năng tư duy phản biện và hoạch định chính sách.

1.3. Quản lý đầu tư công và tài sản công

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Quản lý đầu tư công và tài sản công giúp nghiên cứu sinh hiểu sâu về cơ chế quản lý đầu tư công và quản lý tài sản Nhà nước, từ giai đoạn lập kế hoạch, thẩm định, thực thi đến giám sát và đánh giá hiệu quả. Người học có năng lực phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư công, đề xuất giải pháp tối ưu hóa danh mục đầu tư và quản trị tài sản công theo hướng minh bạch và bền vững. Học phần giúp phát triển kỹ năng thực hành cần thiết để tham gia tư vấn chính sách đầu tư công và quản trị tài sản công cho cơ quan nhà nước hoặc tổ chức quốc tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung bao gồm: chu trình đầu tư công; phân tích chi phí - lợi ích mở rộng (bao gồm tác động kinh tế - xã hội - môi trường); rủi ro tài khóa trong đầu tư công; phương pháp quản lý danh mục dự án; cơ chế quản trị tài sản công (đất đai, tài sản kết cấu hạ tầng, tài sản công nghệ và tài sản trí tuệ). Học phần tăng cường thực hành xử lý dữ liệu, sử dụng phương pháp phân tích định lượng, phân tích tình huống thực tế từ địa phương và các dự án công lớn hiện nay. Người học hoàn tất bài tập cuối kỳ bằng một nghiên cứu đánh giá dự án, hướng đến chuẩn bài báo công bố.

1.4. Khoa học quản lý

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Khoa học quản lý cung cấp nền tảng lý thuyết và công cụ của khoa học ra quyết định trong quản lý. Sau khóa học, người học có thể sử dụng các mô hình tối ưu hóa, phân tích dữ liệu và mô phỏng để giải quyết vấn đề trong quản lý khu vực công hoặc doanh nghiệp. Học phần hướng tới việc phát triển năng lực tư duy hệ thống, ra quyết định dựa trên bằng chứng và sử dụng mô hình toán học trong phân tích chiến lược.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Khoa học quản lý trang bị cho người học các nội dung về: mô hình tối ưu hóa tuyến tính và phi tuyến, mô phỏng Monte-Carlo, lý thuyết hàng đợi, mô hình mạng PERT/CPM, quản lý rủi ro và ra quyết định dưới sự bất định. Học phần ứng dụng phần mềm mô phỏng để chạy kịch bản và phân tích hiệu quả trong quản lý vận hành, quản trị nhân sự và chiến lược phát triển. Người học hoàn thành bài nghiên cứu mô phỏng một vấn đề quản lý thực tế (ví dụ: tối ưu hóa phân bổ nguồn lực công hoặc tối ưu hóa quy trình vận hành doanh nghiệp).

1.5. Thẩm định giá và tài sản công

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Nghiên cứu sinh được trang bị các phương pháp định giá tài sản theo chuẩn quốc tế (IVS) và quy định của pháp luật Việt Nam. Mục tiêu là hình thành năng lực định giá tài sản công phục vụ quản lý tài chính công: chuyển mục đích sử dụng, đấu giá tài sản, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Học phần nâng cao kỹ năng phân tích định giá dựa trên chứng cứ, sử dụng dữ liệu thị trường để ước tính giá trị tài sản.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Thẩm định giá và tài sản công trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về phương pháp thu nhập, phương pháp so sánh, phương pháp chi phí; định giá tài sản đặc thù như tài sản hạ tầng, đất công, tài sản vô hình; định giá trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và quản lý danh mục tài sản công. Người học xử lý dữ liệu giá thị trường, thực hành định giá dự án cụ thể tại địa phương, xây dựng báo cáo theo chuẩn thẩm định giá.

1.6. Tài chính công nâng cao

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Tài chính công

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Học phần giúp người học phát triển năng lực nghiên cứu và phân tích chuyên sâu về tài chính công, đặc biệt là tác động của thuế, chi tiêu công và phân cấp ngân sách. Người học có khả năng đánh giá chính sách tài khóa dựa trên dữ liệu thực nghiệm và đề xuất giải pháp tối ưu hóa phân bổ nguồn lực công. Học phần chuẩn bị năng lực nghiên cứu để công bố trên các tạp chí quốc tế về lĩnh vực tài chính công.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần cung cấp các nội dung về cải cách ngân sách, hiệu quả chi tiêu công, đánh giá tác động thuế đến hành vi kinh tế, thâm hụt và nợ công, phân cấp tài khóa và quản trị ngân sách địa phương. Ngoài ra, học phần đề cập tài chính bền vững, ngân sách xanh, trái phiếu xanh và đo lường tác động của chính sách tài khóa với các chỉ tiêu phát triển bền vững. Học viên phân tích dữ liệu VHLSS, ngân sách địa phương hoặc dữ liệu World Bank để xây dựng báo cáo nghiên cứu.

1.7. Marketing địa phương

Tín chỉ: 03

❖ Học phần học trước: Không

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu chung của học phần:*

Giúp người học hiểu cách thức địa phương sử dụng chiến lược marketing để thu hút đầu tư, khách du lịch, cư dân có năng lực và nguồn lực tài chính. Người học biết phân tích lợi thế cạnh tranh địa phương, xây dựng chiến lược định vị và truyền thông thương hiệu địa phương. Sau môn học, nghiên cứu sinh có thể tham gia tư vấn phát triển chiến lược cho tỉnh/thành phố hoặc khu vực kinh tế.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung bao gồm: lý thuyết marketing địa phương, xây dựng và quản trị thương hiệu địa phương (place branding); chiến lược truyền thông; phát triển sản phẩm địa phương (đầu tư – du lịch – nhân lực – công nghệ). Người học phân tích hồ sơ phát triển của một địa phương thực tế, đề xuất chiến lược cạnh tranh và trình bày kế hoạch triển khai. Cuối môn học, mỗi nhóm nộp một bản khuyến nghị chiến lược dạng đề xuất chính sách.

1.8. Kinh tế phát triển nâng cao

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Kinh tế phát triển
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Kinh tế phát triển nâng cao cung cấp nền tảng lý thuyết phát triển kinh tế và phương pháp đánh giá chính sách phát triển. Người học có khả năng phân tích các vấn đề như nghèo đói, bất bình đẳng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, năng suất và đổi mới sáng tạo. Học phần định hướng năng lực ứng dụng mô hình thực nghiệm phục vụ công bố quốc tế.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Kinh tế phát triển nâng cao nghiên cứu những vấn đề bao gồm: mô hình tăng trưởng kinh tế (Solow, Endogenous Growth), phát triển địa phương, vai trò của thể chế, tăng trưởng xanh, bao trùm xã hội, đo lường nghèo đa chiều, bất bình đẳng và cơ hội kinh tế. Học phần sử dụng dữ liệu khảo sát quốc gia, dữ liệu World Bank và thực hành phân tích định lượng kết hợp case study tại các quốc gia châu Á.

1.9. Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu định lượng
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:
 - *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao giúp cho người học có khả năng phân tích dữ liệu lớn và sử dụng mô hình định lượng nâng cao trong nghiên cứu và ra quyết định quản trị. Người học biết cách xây dựng mô hình dự báo, trực quan hóa dữ liệu và phát triển dashboard quản trị hỗ trợ ra quyết định.

- *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao trang bị cho người học các nội dung bao gồm: phân tích dữ liệu lớn (Big Data), mô hình phân loại – dự báo (tree, random forest, logistic, clustering), mô hình hồi quy nâng cao, trực quan hóa dữ liệu bằng dashboard (PowerBI/Tableau). Người học thực hành với dữ liệu của doanh nghiệp thực, viết báo cáo và trình bày insight dựa trên chứng cứ.

1.10. Nghiên cứu tình huống

Tín chỉ: 03

- ❖ Học phần học trước: Phương pháp nghiên cứu khoa học
- ❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

❖ *Mục tiêu của học phần:*

Mục tiêu của học phần giúp người học nắm được đặc điểm của nghiên cứu tình huống, quy trình nghiên cứu tình huống trong quản trị kinh doanh. Đồng thời, ứng dụng kiến thức để phân tích các nghiên cứu tình huống về quản trị chiến lược, quản trị nguồn nhân lực, lãnh đạo và quản trị liên quan đến phát triển bền vững. Từ đó, người học có thể xây dựng được định hướng nghiên cứu tình huống trong quản trị kinh doanh.

❖ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần đóng vai trò tiền đề cung cấp cho người học một cái nhìn bao quát về nghiên cứu tình huống của ngành quản trị kinh doanh. Học phần này sẽ trang bị cho người học đặc điểm của nghiên cứu tình huống, quy trình nghiên cứu tình huống trong quản trị kinh doanh. Qua học phần này, người học sẽ được hướng dẫn cách tiếp cận, tìm hiểu, phân tích các nghiên cứu tình huống về quản trị chiến lược, quản trị nguồn nhân lực, lãnh đạo và quản trị liên quan đến phát triển bền vững. Qua đó khuyến khích người học rèn luyện kỹ năng tư duy, phát triển nghiên cứu tình huống; đồng thời đánh giá, phân tích để lựa chọn và xây dựng được định hướng nghiên cứu tình huống trong quản trị kinh doanh.

2. Các học phần chuyên sâu trình độ tiến sĩ

2.1. Phương pháp và thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý - Tín chỉ: 03

❖ *Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:*

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần này cung cấp cho nghiên cứu sinh cách xác định được ý tưởng nghiên cứu của luận án, đánh giá được lý thuyết nền sử dụng cho vấn đề nghiên cứu, biên soạn được tổng quan các lý thuyết và phương pháp nghiên cứu trước, từ đó sáng tạo ra khoảng trống nghiên cứu để hình thành nên điểm mới của luận án. Bên cạnh đó, học phần cũng trang bị cho nghiên cứu sinh phương pháp nghiên cứu định tính, phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh tế và quản lý để giúp nghiên cứu sinh thiết kế được đề cương nghiên cứu.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này hướng đến trang bị cho nghiên cứu sinh phân biệt được nghiên cứu hàn lâm và nghiên cứu ứng dụng, xác định được ý tưởng nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, biên soạn được tổng quan lý thuyết và các phương pháp nghiên cứu có liên quan, hiểu biết phương pháp định tính, phương pháp định lượng trong kinh tế và quản lý, biên soạn được đề cương chi tiết cho nghiên cứu định lượng, liệt kê được tài liệu tham khảo và cách trích dẫn đúng quy chuẩn quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M); PLO2(A); PLO4(M); PLO5(A); PLO6(M); PLO7(M); POL10(A).

2.2. Phân tích dữ liệu lớn trong quản lý kinh tế

Tín chỉ: 03

❖ *Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:*

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Phân tích dữ liệu lớn trong quản lý kinh tế trang bị cho nghiên cứu sinh năng lực sử dụng dữ liệu lớn (Big Data) trong nghiên cứu học thuật và trong công tác phân tích, dự báo, hỗ trợ ra quyết định quản lý kinh tế. Người học hiểu bản chất của dữ liệu lớn trong bối cảnh chuyển đổi số, biết cách thu thập – làm sạch – lưu trữ – khai thác dữ liệu từ nhiều nguồn (open data, dữ liệu hành chính, dữ liệu giao dịch, dữ liệu mạng xã hội). Học phần giúp nghiên cứu sinh có khả năng ứng dụng các thuật toán phân tích dữ liệu và machine learning để dự báo xu hướng kinh tế – xã hội, đánh giá chính sách và tối ưu hóa quyết định quản trị ở cấp doanh nghiệp và nhà nước.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung bao gồm: khái niệm dữ liệu lớn và đặc điểm 5V; quy trình thu thập, làm sạch và xử lý dữ liệu lớn; công cụ phân tích như Python/Pandas, SQL và PowerBI/Tableau; ứng dụng machine learning cơ bản (hồi quy dự báo, phân loại, phân cụm) trong dự báo xu hướng và hỗ trợ ra quyết định. Người học thực hành với dữ liệu thực tế và hoàn thành một bài tập mini research hoặc dashboard phân tích phục vụ quản lý kinh tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO2(M); PLO5(A); PLO10(M).

2.3. Quản lý kinh tế hiện đại

Tín chỉ: 03

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Quản lý kinh tế hiện đại trang bị cho nghiên cứu sinh kiến thức nâng cao về quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số và áp lực nâng cao hiệu quả quản trị công. Người học được tiếp cận các mô hình quản lý kinh tế hiện đại trên thế giới, hiểu vai trò Nhà nước trong điều tiết thị trường, thúc đẩy cạnh tranh và phát triển nền kinh tế dựa trên khoa học – công nghệ – đổi mới sáng tạo. Sau môn học, nghiên cứu sinh có thể phân tích vấn đề kinh tế ở cấp quốc gia/địa phương, đề xuất chính sách và xây dựng báo cáo tư vấn dựa trên bằng chứng dữ liệu.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Nội dung tập trung vào vai trò của Nhà nước trong quản lý kinh tế, cơ chế can thiệp của Chính phủ thông qua chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, điều tiết thị trường và tổ chức bộ máy quản lý kinh tế đa cấp. Học phần đi sâu phân tích sự chuyển dịch từ mô hình quản lý hành chính truyền thống sang mô hình quản trị công hiện đại, trong đó nhấn mạnh hiệu quả, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Ngoài ra, nghiên cứu sinh được học các công cụ đánh giá tác động chính sách, phân tích tình huống và mô phỏng ra quyết định. Học phần kết nối kiến thức lý thuyết với thực tiễn qua các nghiên cứu tình huống về quản lý kinh tế tại Singapore, Hàn Quốc và các nước Bắc Âu, từ đó rút ra bài học áp dụng cho Việt Nam.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M); PLO3(A); PLO4(A); PLO6(M); PLO7(A); PLO8(A); PLO9(A); PLO10(A).

2.4. Quản lý phát triển vùng và địa phương

Tín chỉ: 03

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần nhằm giúp cho nghiên cứu sinh có nền tảng lý luận và các tiếp cận hiện đại trong quản lý phát triển vùng và địa phương, nơi vai trò của thể chế, chính quyền địa phương, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ngày càng trở nên quyết định đối với năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Môn học tập trung làm rõ các mô hình tổ chức không gian kinh tế; lý thuyết tăng trưởng vùng; quản trị đa cấp (multilevel governance); phân cấp – phân quyền; quản lý đầu tư công và hạ tầng vùng; liên kết vùng – chuỗi giá trị; cùng với các chiến lược nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần này trang bị cho nghiên cứu sinh tác động của chuyển đổi số, kinh tế số, đô thị thông minh, dữ liệu và công nghệ mới đối với quản lý kinh tế ở cấp độ địa phương; đồng thời xem xét vai trò của đổi mới sáng tạo, cụm ngành, hệ sinh thái khởi nghiệp địa phương và các mô hình tăng trưởng xanh trong phát triển vùng; Phân tích so sánh quốc tế và các trường hợp điển hình của Việt Nam; Đánh giá chính sách phát triển vùng – địa phương, xác định các thách thức trong quản lý kinh tế và đề xuất giải pháp dựa trên bằng chứng. Học phần cũng trang bị cho nghiên cứu sinh tư duy nghiên cứu chuyên sâu, làm cơ sở xây dựng khung phân tích, mô hình nghiên cứu trong luận án liên quan đến phát triển địa phương, quản trị vùng, tăng trưởng xanh, chuyển đổi số, hoặc đổi mới sáng tạo ở cấp tỉnh/thành.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M); PLO6(M); PLO9(M).

2.5. Các lý thuyết hiện đại trong quản lý kinh tế

Tín chỉ: 03

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh nền tảng lý luận nâng cao về các trường phái và tiếp cận hiện đại trong quản lý kinh tế, giúp làm rõ cách thức các lý thuyết kinh tế đương đại được vận dụng vào hoạch định và điều hành chính sách quốc gia.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần hướng tới phát triển năng lực phân tích, phản biện và tổng hợp lý thuyết của nghiên cứu sinh, đồng thời hỗ trợ xây dựng khung lý thuyết và mô hình phân tích cho đề tài luận án. Thông qua các seminar học thuật và nghiên cứu chuyên sâu, người học có thể vận dụng các lý thuyết hiện đại vào đánh giá chính sách kinh tế, so sánh mô hình quốc tế và đề xuất giải pháp phù hợp với bối cảnh Việt Nam trong kỷ nguyên kinh tế số và chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO3(M); PLO4(M); PLO6(M); PLO7(A); PLO8(M); PLO9(M); PLO10(A).

2.6. An ninh kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập

Tín chỉ: 03

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh hiểu được cách các quốc gia thiết kế và vận hành chính sách nhằm bảo vệ an ninh kinh tế trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, cạnh tranh địa chiến lược kinh tế và biến động toàn cầu.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Môn học trang bị cho nghiên cứu sinh cung cấp cho nghiên cứu sinh những nền tảng cốt lõi về **an ninh kinh tế** như một nội dung trọng yếu của **quản lý kinh tế quốc gia** trong thời kỳ toàn cầu hóa. Môn học tập trung phân tích các rủi ro kinh tế truyền thống và phi truyền thống; các cú sốc từ chuỗi cung ứng, tài chính – thương mại, năng lượng, công nghệ số; cùng vai trò của Nhà nước trong bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì năng lực chống chịu và nâng cao tự chủ chiến lược.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M); PLO2(M); PLO3(M); PLO4(A); PLO5(M); PLO6(A); PLO7(A); PLO9(M); PLO10(A).

2.7. Báo cáo tiểu luận tổng quan

Tín chỉ: 02

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Báo cáo tiểu luận tổng quan cung cấp cho nghiên cứu sinh kiến thức và kỹ năng tổng kết lý thuyết, thực nghiệm và phát hiện các khoảng trống nghiên cứu. Kiến thức của học phần bao gồm cách thức tổng kết lý thuyết, các nội dung thực nghiệm đã được phát hiện, chứng minh và biện luận các hạn chế, thiếu sót trong các nghiên cứu đã thực hiện liên quan đến vấn đề nghiên cứu sinh dự định nghiên cứu. Ngoài ra học phần nghiên cứu cách thức thiết kế khung phân tích, mô hình nghiên cứu và phát triển giả thuyết nghiên cứu.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Báo cáo tiểu luận tổng quan hướng đến trang bị cho nghiên cứu sinh khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết. Trong bài tiểu luận tổng quan, nghiên cứu sinh phải trình bày cụ thể mục tiêu nghiên cứu của đề tài tiến sĩ, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, dữ liệu sử dụng, đóng góp của nghiên cứu, các kết quả nghiên cứu ban đầu và kế hoạch nghiên cứu tiếp theo. Nội dung chính của chuyên đề tổng quan gồm có các vấn đề cơ bản: (1) Giới thiệu tổng quan về vấn đề nghiên cứu; (2) Cơ sở lý thuyết nền về vấn đề nghiên cứu; (3) Lược khảo các nghiên cứu liên quan; (4) Khoảng trống nghiên cứu; (5) Đề xuất mô hình và Phương pháp nghiên cứu cho luận án.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(A); PLO3(M); PLO6(M); PLO8(A); PLO10(A).

2.8. Chuyên đề 1

Tín chỉ: 02

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Chuyên đề 1 cung cấp cho nghiên cứu sinh kiến thức chuyên sâu về thiết kế mô hình nghiên cứu, thiết kế quy trình nghiên cứu, và xây dựng bộ thang đo. Kiến

thức của học phần bao gồm cách thức xây dựng cơ sở lý thuyết và biện luận các giả thuyết cũng như xây dựng mô hình lý thuyết hoàn chỉnh. Ngoài ra học phần nghiên cứu cách thức xây dựng quy trình nghiên cứu, sắp xếp thứ tự, trình tự triển khai các bước nghiên cứu trong toàn bộ luận án. Ngoài ra học phần cung cấp kiến thức về cách thức xây dựng thang đo ứng dụng cho toàn bộ nghiên cứu.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Chuyên đề 1 hướng đến cung cấp các kiến thức để nghiên cứu sinh hiểu được tổng quan cách thức triển khai xây dựng mô hình nghiên cứu dựa trên cơ sở lý thuyết phù hợp, cách thức thiết kế quy trình nghiên cứu hợp lý khi tiến hành nghiên cứu. Ngoài ra cách xây dựng thang đo có giá trị và độ tin cậy cũng được cung cấp. Người học qua đó có thể thực hiện cách bước cơ bản của một nghiên cứu hoàn chỉnh có giá trị khoa học có thể đăng được trên các tạp chí trong nước và quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(A); PLO4(A); PLO5(A); PLO6(A); PLO10(A).

2.9. Chuyên đề 2

Tín chỉ: 02

❖ Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:

▪ *Mục tiêu của học phần:*

Học phần Chuyên đề 2 cung cấp cho nghiên cứu sinh kiến thức về xây dựng trình bày lý thuyết và mô hình nghiên cứu, cách phân tích kết quả nghiên cứu của luận án, cách kiểm định giả thuyết, cách kiểm định khoảng trống nghiên cứu. Ngoài ra học phần nghiên cứu cách đưa ra các hàm ý quản trị hợp lý cũng như đưa ra các hạn chế nghiên cứu và các định hướng cho các nghiên cứu tương lai.

▪ *Tóm tắt nội dung:*

Học phần Chuyên đề 2 hướng đến cung cấp các kiến thức để nghiên cứu sinh có thể phân tích và trình bày nghiên cứu chính xác cụ thể thông qua việc xây dựng cơ sở lý thuyết, xây dựng và trình bày mô hình nghiên cứu, kiểm định giả thuyết. Ngoài ra học phần cung cấp cách đưa ra các hàm ý quản trị dựa trên kết quả nghiên cứu cũng như đưa ra các hạn chế nghiên cứu và các định hướng cho các nghiên cứu khác. Nghiên cứu sinh có thể thực hiện đầy đủ các bước của một nghiên cứu hoàn chỉnh có giá trị khoa học có thể đăng được trên các tạp chí trong nước và quốc tế.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(A); PLO4(A); PLO5(A); PLO6(A); PLO10(A).

2.10. Luận án tiến sĩ

Tín chỉ: 72

❖ Yêu cầu về luận án tiến sĩ:

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành khoa học hay thực tiễn kinh tế - xã hội. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích,

biên luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và chứng minh được bằng những tư liệu mới.

Luận án tiến sĩ chỉ được phép trình bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận án các cấp theo quy định khi Nghiên cứu sinh đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành của Trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ Quy trình bảo vệ và chấm luận án tiến sĩ bao gồm:

- Đánh giá luận án: (i) Đánh giá luận án tiến sĩ tại Hội đồng cấp đơn vị chuyên môn với tối thiểu 5 thành viên. (ii) Phản biện độc lập: luận án được gửi tối thiểu cho hai nhà khoa học ngoài cơ sở đào tạo để xin ý kiến nhận xét độc lập. (iii) Đánh giá luận án tiến sĩ tại Hội đồng chính thức (cấp trường) gồm 7 thành viên.

- Thẩm định và cấp bằng: Thẩm định luận án tiến sĩ và thủ tục công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ theo quy định của Trường và của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nghiên cứu sinh được xét công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ cấp trường tối thiểu 3 tháng, có kết quả thẩm định đạt yêu cầu hoặc không có tên trong danh sách thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ Đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: PLO1(M); PLO2(M); PLO3(M); PLO4(M); PLO5(M); PLO6(M); PLO7(A); PLO8(M); PLO9(A); PLO10(A)./2

Viện trưởng

Viện Kinh tế chính trị quốc tế



Lại Văn Nam

Hiệu trưởng



Phạm Tiến Đạt

C. CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

1.1. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo

a) *Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy các học phần bổ sung kiến thức*

STT	HỌ VÀ TÊN	HỌC HÀM - HỌC VỊ	HỌC PHẦN THAM GIA GIẢNG DẠY
1	Đỗ Hương Lan	PGS.TS	Khoa học quản lý Thẩm định giá và tài sản công
2	Bảo Trung		Marketing địa phương
3	Lê Trung Đạo	PGS.TS	Nghiên cứu tình huống
4	Ngô Thị Hồng Giang	TS	Kinh tế phát triển nâng cao
5	Hoàng Sĩ Nam	TS	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao
6	Nguyễn Thanh Hùng	TS	Khoa học quản lý
7	Nguyễn Minh Ngọc	PGS.TS	Nghiên cứu tình huống
8	Phan Thị Hằng Nga	PGS.TS	Tài chính công nâng cao
9	Phạm Ngọc Dương	PGS.TS	Kinh tế phát triển nâng cao
10	Đoàn Ngọc Phúc	PGS.TS	Khoa học quản lý
11	Trần Vĩnh Hoàng	TS	Marketing địa phương
12	Ngô Sỹ Trung	PGS.TS	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
13	Trần Văn Hùng	PGS.TS	Khoa học quản lý
14	Huỳnh Thế Nguyễn	PGS.TS	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao
15	Phạm Thị Quỳnh Nga	TS	Thẩm định giá và tài sản công Tài chính công nâng cao
16	Nguyễn Văn Tuyên	TS	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế

b) *Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế*

STT	Họ và tên	HỌC VỊ	Học hàm, năm bổ nhiệm	Ngành/ chuyên ngành	Học phần tham gia giảng dạy
1	Đỗ Hương Lan	TS	PGS, 2015	Kinh tế/Kinh tế thế giới	Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý; An ninh kinh tế trong bối cảnh toàn

STT	Họ và tên	HỌC VỊ	Học hàm, năm bổ nhiệm	Ngành/chuyên ngành	Học phần tham gia giảng dạy
					cầu hóa và hội nhập
2	Ngô Sỹ Trung	TS	PGS, 2023	Kinh tế/Quản lý kinh tế	Phân tích dữ liệu lớn trong quản lý kinh tế; An ninh kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập
3	Lê Trung Đạo	TS	PGS, 2025	Kinh tế và quản lý kinh tế quốc dân	Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý; Quản lý kinh tế hiện đại
4	Ngô Thị Hồng Giang	TS		Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế hiện đại; Quản lý phát triển vùng và địa phương
5	Phạm Thị Ngọc Mai	TS		Quản lý kinh tế	Quản lý kinh tế hiện đại; Các lý thuyết hiện đại trong quản lý kinh tế
6	Trần Vĩnh Hoàng	TS		Quản lý kinh tế	Quản lý phát triển vùng và địa phương; An ninh kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập
7	Nguyễn Thanh Hùng	TS		Quản lý kinh tế	Các lý thuyết hiện đại trong quản lý kinh tế
8	Nguyễn Tuấn Duy	TS	PGS, 2023	Toán giải tích	Phân tích dữ liệu lớn trong Quản lý kinh tế; Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý
9	Trần Đình Phụng	TS		Toán học	Phân tích dữ liệu lớn trong Quản lý kinh tế; Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý

c) *Đội ngũ giảng viên dự kiến tham gia hướng dẫn thực hiện luận án*

STT	Họ và tên, ngày tháng năm sinh	HỌC VỊ	Học hàm, năm bổ nhiệm	Ngành/ chuyên ngành
1	Đỗ Hương Lan	TS	PGS, 2015	Kinh tế/Kinh tế quốc tế
2	Ngô Sỹ Trung	TS	PGS, 2023	Kinh tế/Quản lý kinh tế
3	Lê Trung Đạo	TS	PGS, 2025	Kinh tế và quản lý kinh tế quốc dân
4	Ngô Thị Hồng Giang	TS		Quản lý kinh tế
5	Phạm Thị Ngọc Mai	TS		Quản lý kinh tế
6	Trần Vĩnh Hoàng	TS		Kinh tế học/Quản lý kinh tế
7	Nguyễn Thanh Hùng	TS		Quản lý kinh tế
8	Hoàng Sĩ Nam	TS		Quản lý kinh tế
9	Phạm Thị Quỳnh Nga	TS		Quản lý kinh tế
10	Cao Tấn Huy	TS		Kinh tế
11	Nguyễn Văn Tuyên	TS		Kinh tế
12	Tô Anh Thơ	TS		Kinh tế
13	Nguyễn Hữu Tuấn	TS		Kinh tế
14	Đoàn Ngọc Phúc	TS	PGS, 2025	Kinh tế
15	Huỳnh Thế Nguyễn	TS	PGS, 2023	Kinh tế học
16	Đỗ Minh Thủy	TS		Quản lý kinh tế
17	Phạm Quang Huy	TS		Quản lý kinh tế
18	Chu Bảo Hiệp	TS		Quản lý kinh tế
19	Trần Văn Hùng	TS	PGS, 2022	Kinh tế
20	Phạm Ngọc Dưỡng	TS	PGS, 2025	Kinh tế

d) *Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa/phòng*

STT	Họ tên	Chức vụ	Đơn vị	Nhiệm vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Nữ Thánh Tâm	Chuyên viên	Viện chính trị Quốc tế	Học vụ	
2	Châu Mỹ Chi	Chuyên viên	Viện Đào tạo sau đại học	Học vụ	
3	Trần Văn Tuấn	Chuyên viên	Viện Đào tạo sau đại học	Tuyển sinh	
4	Đỗ Minh Hương	Chuyên viên	Viện Đào tạo sau đại học	Tuyển sinh	
5	Huỳnh Thị Mỹ Diệu	Chuyên viên	Viện Đào tạo sau đại học	Cấp bằng	
6	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	Chuyên viên	Viện Đào tạo sau đại học	Học vụ	

1.2. DANH SÁCH GIÁO TRÌNH, TÀI LIỆU CHÍNH PHỤC VỤ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Số TT	Tên sách, giáo trình (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Economics of the Public Sector	Joseph Stiglitz	W. W. Norton & Company, 2015	Kinh tế học khu vực công
2	Kinh tế khu vực công những vấn đề cơ bản: sách chuyên khảo	Trần Anh Tuấn, Nguyễn Hữu Hải	Chính trị Quốc gia Sự thật, 2015	Kinh tế học khu vực công
3	Giáo trình Phân tích và Dự báo trong kinh tế	Nguyễn Văn Huân – Phạm Việt Bình	Khoa học và Kỹ thuật, 2011	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
4	Giáo trình Tài chính công	Nguyễn Thế Khang (ch.b.), Đỗ Gioan Hảo	Tài chính, 2024	Quản lý đầu tư công và tài sản công
5	Giáo trình Khu vực công và quản lý công	Đỗ Thị Hải Hà	2022, ĐH kinh tế quốc dân	Quản lý đầu tư công và tài sản công
6	Dự báo và chính sách kinh tế	Nicholas Carnot, Vincent Koen, Bruno Tissot	Khoa học xã hội, 2024	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
7	Econometric Analysis	William H. Greene	Pearson, 2018	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế
8	Econometric Analysis of Cross Section and Panel Data	Jeffrey M. Wooldridge	MIT Press, 2010	Phân tích dự báo, giám sát kinh tế
9	Public Investment Management Reference Guide	Jay-Hyung Kim (Author), Jonas Arp Fallov	World Bank, 2020	Quản lý đầu tư công và tài sản công
10	Advances in Doctoral Research in Management (Book Series)	Jason Begley	World Scientific Publishing, 2024	Khoa học quản lý
11	Cost-Benefit Analysis: Concepts and Practice	Anthony E. Boardman, David H.	Cambridge University Press, 2018	Thẩm định giá và tài sản công

Số TT	Tên sách, giáo trình (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
		Greenberg, Aidan R. Vining, & David L. Weimer		
12	Valuation: principles into practice	Hayward, R. (Ed.)	Taylor & Francis, 2014	Thẩm định giá tài sản công
13	Public Finance and Public Policy (Seventh Edition).	Jonathan Gruber	Macmillan Press, ISBN: 9781319281106. (2022)	Tài chính công nâng cao
14	Localised Marketing	Coralie Georges	Georges, Coralie, 2023	Marketing địa phương
15	Giáo trình Marketing địa phương	Trần Nguyễn Khánh Hải và Nguyễn Ngọc Hạnh (đồng chủ biên)	Tài chính, 2025	Marketing địa phương
16	Kinh tế phát triển cơ bản và nâng cao	Đình Phi Hồ (chủ biên), Nguyễn Văn Phương	Kinh tế Tp.HCM, 2015	Kinh tế phát triển nâng cao
17	Development Economics	Michael Todaro (Author), Stephen Smith	Pearson, 2020	Kinh tế phát triển nâng cao
18	Advanced Business Analytics	Fausto Pedro García Márquez	Springer 2015	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao
19	Practical Panel Modelling With Applications In Islamic Banking And Finance Research	(Mansor Ibrahim, Tika Arundina (2022),	National Committee of Islamic Economy and Finance (KNEKS), Indonesia, 2022	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao (*)

Số TT	Tên sách, giáo trình (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
20	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	Nguyễn Đình Thọ	Lao động - Xã hội, 2014	Thiết kế nghiên cứu
21	Giáo trình phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế	Nguyễn Thị Cảnh.	Đại học quốc gia TP.HCM, 2009	Phân tích dữ liệu lớn trong quản lý kinh tế
22	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội	PGS. TS Lê Quang Cảnh	ĐH Kinh tế Quốc dân, 2025	Quản lý kinh tế hiện đại
23	Giáo trình Kinh tế lượng	Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh	ĐH Kinh tế Quốc dân, 2007	Kinh tế học về đổi mới sáng tạo và chính sách công
24	Giáo trình Kinh tế lượng	TS Nguyễn Huy Hoàng	Tài chính, 2024	Phát triển vùng và địa phương
25	Research Design: Qualitative, Quantitative, and Mixed Methods Approaches	John W. Creswell	Sage Publications, Inc, 2009	Quản lý kinh tế số
26	Policy Analysis: Concepts and Practice	Weimer & Vining	Routledge Taylor and Francis Group, 2025	Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý
27	Econometric Analysis of Cross Section and Panel Data.	Jeffrey M. Wooldridge	The MIT Press, 2010	Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý
28	Statistics for high-dimensional data: methods, theory and applications	Bühlmann, P., & Van De Geer, S.	Springer Series in Statistics, 2011	Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý
29	Managerial economics : Theory, Applications, and Cases	W. Bruce Allen, Neil A. Doherty, Keith Weigelt, Edwin Mansfield.	Pearson, 2013	Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý
30	The Economics of Artificial Intelligence	Goldfarb, A., Greenstein, S., & Tucker, C.	University of Chicago Press, 2017	Phân tích dữ liệu lớn trong quản lý kinh tế

Số TT	Tên sách, giáo trình (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
31	The Globalization Paradox: Democracy and the Future of the World Economy	Dani Rodrik	W. W. Norton & Company, 2011	Phân tích dữ liệu lớn trong quản lý kinh tế
32	Urban and Regional Economics	Philip McCann	Routledge, 2011	Quản lý kinh tế hiện đại
33	Clusters, Networks and Innovation	Stefano Breschi & Franco Malerba	Oxford University Press, 2013	Quản lý kinh tế hiện đại
34	Local and Regional Development 2nd edition	Andy Pike, Andrés Rodríguez-Pose, John Tomaney	Routledge, 2016	Quản lý kinh tế hiện đại
35	The theory, practice and potential of regional development	Vodden, K., Douglas, D. J., Markey, S., Minnes, S., & Reimer, B.	Routledge, 2019	Quản lý Kinh tế hiện đại; Các lý thuyết hiện đại trong quản lý kinh tế
36	The Globalization Paradox: Democracy and the Future of the World Economy	Dani Rodrik	W. W. Norton & Company, 2011	Quản lý phát triển vùng và địa phương

1.3. DANH SÁCH BÀI BÁO PHỤC VỤ HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Số TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Tên tạp chí	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
1	Structural estimation under misspecification	Andrews et al.	2025	Quarterly Journal of Economics	Thiết kế nghiên cứu
2	Wald, QLR, and score tests...	Fan & Shi	2023	Journal of Econometrics	Thiết kế nghiên cứu
3	ESG news and investor sentiment...	Banerjee	2025	Computational Economics	Phân tích dữ liệu lớn trong Quản lý kinh tế
4	Quantile interactions and spillovers...	Kammoun Masmoudi et al.	2025	Computational Economics	Phân tích dữ liệu lớn trong Quản lý kinh tế
5	Automation and rent dissipation	Acemoglu & Restrepo	2025	Journal of Monetary Economics	Quản lý kinh tế hiện đại

Số TT	Tên bài báo	Tên tác giả	Tên tạp chí	Năm xuất bản	Sử dụng cho học phần
6	Endogenous labor migration and remittances	Turnovsky et al.	2023	Journal of Development Economics	Quản lý kinh tế hiện đại
7	Innovation and top income inequality	Aghion et al.	2019	Review of Economic Studies	Đổi mới sáng tạo & chính sách công
8	Social learning and incentives...	BenYishay & Mobarak	2019	Review of Economic Studies	Đổi mới sáng tạo & chính sách công
9	Refugee migration and electoral outcomes	Dustmann et al.	2019	Review of Economic Studies	Phát triển vùng & địa phương
10	Labor supply responses to health shocks	Heath et al.	2022	Journal of Human Resources	Phát triển vùng & địa phương
11	Online business models, digital ads...	Acemoglu et al.	2025	MIT Economics Working Paper	Quản lý kinh tế số
12	Do markets believe in transformative AI?	Andrews & Farboodi	2025	NBER Working Paper	Quản lý kinh tế số
13	Board quotas and female labour outcomes	Bertrand et al.	2019	Review of Economic Studies	Tổng quan & phương pháp
14	Poor economics: Revised and updated	Banerjee & Duflo	2025	MIT Press	Tổng quan & phương pháp
15	Crude oil price surge and implications for India	Mohanasundari et al.	2025	SN Business & Economics	Phân tích chính sách

D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (có đề cương chi tiết kèm theo)

Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường	PLOs									
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10
nguồn nhân lực chất lượng cao trình độ đại học và sau đại học theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu và chuyển giao những thành tựu khoa học, công nghệ về kinh doanh, quản lý phục vụ công tác hoạch định chính sách của các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp và các tổ chức xã hội.										

Phụ lục 3. Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Quản lý kinh tế với chương trình đào tạo của các trường khác

STT	Trường Đại học Tài chính - Marketing		STT	Đại học Kinh tế TP.HCM	
	Học phần	Tín chỉ		Học phần	Tín chỉ
I	Các học phần bổ sung bắt buộc trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ				
1	Kinh tế học khu vực công	3		Được bổ sung tùy thuộc khối kiến thức người học đã đạt được ở trình độ đại học và thạc sĩ	
2	Phân tích, dự báo, giám sát kinh tế	3			
3	Quản lý đầu tư công và tài sản công	3			
4	Khoa học quản lý	3			
5	Thẩm định giá và tài sản công	3			
6	Tài chính công nâng cao	3			
7	Marketing địa phương	3			
8	Kinh tế phát triển nâng cao	3			
9	Phân tích dữ liệu kinh doanh nâng cao	3			
10	Nghiên cứu tình huống	3			
II	Các học phần bắt buộc và tự chọn khối kiến thức chuyên sâu trình độ tiến sĩ				
a)	Các học phần bắt buộc				
1	Phương pháp và Thiết kế nghiên cứu trong kinh tế và quản lý	3	1	Thiết kế nghiên cứu	3
2	Phân tích dữ liệu lớn trong quản lý kinh tế	3	2	Phân tích định lượng (hoặc định	3

STT	Trường Đại học Tài chính - Marketing		STT	Đại học Kinh tế TP.HCM	
	Học phần	Tín chỉ		Học phần	Tín chỉ
				tính)	
b)	Các học phần chuyên sâu (chọn 1 trong 2 nhóm)				
1	Quản lý kinh tế hiện đại	3	1	Lý thuyết chuyên ngành I: Lý thuyết nâng cao về kinh tế phát triển	6
	Quản lý phát triển vùng và địa phương	3			
2	Các lý thuyết hiện đại trong quản lý kinh tế	3	2	Lý thuyết chuyên ngành II: Lý thuyết nâng cao về chính sách	6
	An ninh kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập	3			
c)	Các thành phần nghiên cứu khoa học và chuyên đề tiến sĩ				
1	Đề xuất nghiên cứu (Đề cương)		1	Đề xuất nghiên cứu	3
2	Báo cáo tiểu luận tổng quan	2	2	Tiểu luận tổng quan	3
3	Chuyên đề 1	2	3	Chuyên đề tiến sĩ 1	3
4	Chuyên đề 2	2	4	Chuyên đề tiến sĩ 2	3
5	Báo cáo kết quả nghiên cứu		5	Báo cáo kết quả nghiên cứu	3
6	Sinh hoạt khoa học tại bộ môn		6	Sinh hoạt khoa học tại bộ môn	8
7	Seminar khoa học cấp trường		7	Seminar khoa học cấp trường	3
8	Công bố kết quả nghiên cứu (bài báo khoa học)		8	Công bố kết quả nghiên cứu	6
III	Nghiên cứu và thực hiện luận án				
1	Luận án tiến sĩ	72	1	Luận án tiến sĩ	50
Tổng cộng		90	Tổng cộng		97